

**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỪ DŨ**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN ĐẾN NĂM 2020
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025**

THÁNG 12 NĂM 2017

A. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỪ NĂM 2009 – 2017

I. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Ngày 12/11/2007 bệnh viện Từ Dũ trình Giám đốc Sở Y tế Đề án phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020 và được giám đốc Sở y tế phê duyệt bằng văn bản số 1004/SYT-KHTH ngày 04/3/2008.

Tháng 10/2009 bệnh viện Từ Dũ trình phê duyệt đề án quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020 có sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Tháng 6/2011 theo chỉ đạo của Sở Y tế bệnh viện xây dựng kế hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020 và tầm nhìn phát triển đến năm 2025.

Bệnh viện chính thức triển khai kế hoạch phát triển bệnh viện từ tháng 01/2009 và được chia thành các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 : từ 2009 – 2011
- Giai đoạn 2 : từ 2012 – 2015
- Giai đoạn 3 : từ 2016 – 2020
- Giai đoạn 4 : sau 2020

Căn cứ Đề án phát triển bệnh viện đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, Bệnh viện tiến hành đánh giá việc thực hiện đề án từ 2009 - 2017, để ghi nhận những nội dung đã triển khai thực hiện, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn tại đơn vị.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỪ DŨ GIAI ĐOẠN 2009-2017

1. Phát triển chuyên môn, kỹ thuật, nâng cao hiệu quả chăm sóc, điều trị

1.1. Công tác khám chữa bệnh

Trong những năm qua bệnh viện Từ Dũ đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu về giường bệnh, hoạt động chuyên môn do Sở Y tế giao. Các chỉ tiêu về chỉ số giường bệnh, tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú và ngoại trú đều tăng:

Bảng 1. Hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện giai đoạn 2009-2011

Nội dung	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Số giường bệnh nội trú	1.579	1.361	1.583
Số giường bệnh ngoại trú	3.298	3.327	3.343

TS lượt người điều trị nội trú	98.142	86.357	105.316
+ Bệnh nhân Sản, phụ khoa	83.742	72.107	88.474
+ Bệnh nhân Nhi khoa	14.400	14.250	16.842
TS lượt người điều trị ngoại trú	179.361	207.433	237.891
Tổng số lần khám	769.829	767.501	872.823
Tổng số sanh	52.104	39.663	50.642
Tổng số ca phẫu thuật	39.985	34.114	38.913
Tổng số ca thủ thuật	83.707	79.676	92.891
TS lần xét nghiệm	4.639.803	4.278.989	5.316.655
TS lần X - quang	53.942	52.293	65.687
TS lần siêu âm	446.333	482.272	603.778

Bảng 2. Hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện giai đoạn 2012-2015

Nội dung	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số giường bệnh	1.694	1.631	1.824	1.898
TS lượt người điều trị nội trú	122.510	118.464	127.055	128.885
+ Bệnh nhân sản, phụ khoa	103.423	98.071	106.544	108.711
+ Bệnh nhân nhi khoa	19.087	20.393	20.511	20.174
TS lượt người điều trị ngoại trú	240.208	232.229	225.223	220.240
TS lần khám	935.697	925.680	982.761	1.050.873
TS sanh	62.022	57.236	64.237	69.562
TS ca phẫu thuật	42.740	44.368	46.845	48.584
TS ca thủ thuật	98.047	88.647	94.132	103.936
TS lần xét nghiệm	6.016.845	5.909.107	6.352.112	2.782.711
TS lần X - quang	71.952	70.899	80.070	80.447
TS lần siêu âm	645.376	663.309	717.410	777.603

Bảng 3. Hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện giai đoạn 2016-2017

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017
Số giường bệnh	1.719	1.739
TS lượt người điều trị nội trú	125.700	120.907
+ Bệnh nhân sản, phụ khoa	109.320	108.442
+ Bệnh nhân nhi khoa	16.380	12.465

TS lượt người điều trị ngoại trú	242.171	246.278
+ TS khám	1.059.254	1.090.828
+ TS sanh	66.086	68.921
+ TS phẫu thuật	47.359	45.699
+ TS thủ thuật	95.354	100.358
+ TS xét nghiệm	2.853.950	2.882.913
+ TS X - quang	76.006	75.139
+ TS siêu âm	768.588	791.991

1. 2. Phát triển ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu

Là trung tâm nghiên cứu và thực hiện các kỹ thuật về sinh sản hàng đầu tại Việt Nam và một số nước trong khu vực, trong những năm qua Bệnh viện tiếp tục ứng dụng một số kỹ thuật chuyên sâu như sau:

1.2.1. Điều trị hiếm muộn vô sinh

2009-2011:

- Kỹ thuật nuôi phôi ngày 5 (phôi blast): nuôi phôi ngày 5 (phôi blast) làm tăng cơ hội làm tổ của phôi, tăng tỷ lệ thành công, giảm khả năng đa thai.

- Thiết lập quy trình PGD (chẩn đoán di truyền tiền làm tổ): Kỹ thuật PGD hiện đang là xu thế chung của thế giới, giúp sàng lọc các bệnh di truyền để có thể lựa chọn các phôi không mang bệnh. Điều này thật sự hữu ích cho các gia đình có bệnh di truyền.

- Thực hiện kỹ thuật IMSI (kỹ thuật tiêm tinh trùng vào bào tương trứng cải tiến): Đây là kỹ thuật cải tiến của ICSI, giúp tăng hiệu quả của việc lựa chọn tinh trùng làm ICSI đối với các mẫu tinh trùng dị dạng nhiều và tỷ lệ sống thấp.

- Em bé thụ tinh ống nghiệm: 4.000

2012-2015:

Nhiều kỹ thuật mới phức tạp đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao của Thụ tinh ống nghiệm được ứng dụng. Thực hiện nuôi cấy phôi ở các buồng ủ riêng biệt. Mô hình đánh giá phôi tự động. Đặc biệt, trong năm 2015 Bệnh viện đã triển khai kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ theo nghị định 10 vì mục đích nhân đạo tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều cặp vợ chồng hiếm muộn.

2016-2017:

Thực hiện trữ rã mô buồng trứng. Đạt các chuẩn quốc tế trong công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản: RTAC vào tháng 8/2017 (quy chuẩn chất lượng chuyên biệt dành cho lĩnh vực thụ tinh trong ống nghiệm của Úc, là quy chuẩn chất lượng uy tín nhất khu vực Châu Á- Thái Bình Dương).

Bảng 4. Hoạt động điều trị hiếm muộn-vô sinh giai đoạn 2009-2017

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
TS thực hiện IUI	2128	2128	3238	3939	3015	2977	2930	2831	2633
TS thực hiện IVF	1227	1559	2162	2082	3163	3038	4662	4715	4926
Tỷ lệ có thai chung (%)	32	29.8 5	32.3 9	38.9	39.0 2	42.3 4	44.40	45.0 6	47.40

1.2.2. Nội soi**2009-2011:**

- Phẫu thuật nội soi cố định sàng chậu vào mỏm nhô, khâu ngăn dây chằng tử cung – cùng.
- Phẫu thuật đặt mảnh ghép tổng hợp nâng bàng quang – tử cung – trực tràng ngã âm đạo.
- Phẫu thuật đặt sling dưới niệu đạo điều trị són tiểu (TOT).
- Cố định tử cung vào dây chằng cùng gai.
- Khôi phục hồi cân trực tràng – âm đạo, cơ vòng hậu môn.
- Khâu treo niêm mạc trực tràng (phối hợp BS ngoại viện).

Hiệu quả: sa tạng chậu nữ xảy ra do sự suy yếu hệ thống nâng đỡ đáy chậu, gây sa bàng quang, sa tử cung, sa trực tràng, gây các rối loạn chức năng khác nhau (són tiểu, tiểu không tự chủ, tiêu bón, khối sa ra ngoài âm hộ) ảnh hưởng đến chất lượng sống. Ngày càng nhiều các bệnh nhân mong mỏi được điều trị nhằm cải thiện lại chất lượng cuộc sống. Phẫu thuật phục hồi sàng chậu có sử dụng mảnh ghép tổng hợp mang tính khả thi, cải thiện và mang lại chất lượng sống tốt hơn cho bệnh nhân sa tạng vùng chậu.

2012-2015:

- Chuẩn hóa tài liệu đào tạo.
- Xây dựng trung tâm đào tạo, đầu tư trang thiết bị cho học viên thực tập.

2016-2017:

Trang bị phòng Khu giảng dạy hiện đại: hệ thống tích hợp vi tính, trang bị máy nội soi thực hành 3D.

1.2.3. Sơ sinh**2009-2011:**

- Cứu sống được nhiều trường hợp bệnh nặng, làm giảm đáng kể tỉ lệ tử vong sơ sinh. Đặc biệt là các trẻ có APGAR thấp, trẻ có bệnh lý bẩm sinh.

- Phối hợp với các bệnh viện chuyên khoa Nhi để chẩn đoán và xử trí sớm các trường hợp đặc biệt.

2012-2015:

- Tổ chức dịch vụ khám hẹn giờ để giảm thời gian chờ đợi của bệnh nhi.

- Xây dựng và áp dụng 05 quy trình chuyên môn, cụ thể: Tiêm ngừa viêm gan siêu vi B và HBIG cho trẻ ngoại viện, quản lý tử vắc-xin, chuyển tuyến, xuất khoa, tiêm tĩnh mạch và áp dụng phác đồ điều trị nhiễm trùng sơ sinh.

2016-2017:

- Thành lập Buồng Hồi sức tích cực Sơ sinh (NICU) tiếp nhận và điều trị các trẻ sơ sinh có bệnh lý nặng, đặc biệt là trẻ sơ sinh non tháng.

- Triển khai kỹ thuật hạ thân nhiệt chủ động để điều trị bệnh não thiếu oxy thiếu máu cục bộ

- Triển khai kỹ thuật sử dụng khí Nitric oxide để điều trị bệnh cao áp phổi tồn tại

Bảng 5. Hoạt động Chăm sóc sơ sinh cực non giai đoạn 2009-2011

Nội dung	2009	2010	2011
Chăm sóc sơ sinh cực non			
+ Cứu sống cân nặng < 1000g	27%	43%	32%
+ Cứu sống cân nặng 1000 - 1500g	77%	78%	83%
+ Cứu sống cân nặng 1500g - 2000g	94%	95%	96%

Bảng 6. Hoạt động Chăm sóc sơ sinh cực non giai đoạn 2012-2015

Nội dung	2012	2013	2014	2015
Chăm sóc sơ sinh cực non				
+ Cứu sống cân nặng < 1000g	44%	44%	28%	28%
+ Cứu sống cân nặng 1000 -	87%	86%	80%	80%

1500g				
+ Cứu sống cân nặng 1500g - 2000g	97%	98%	96%	96%

Bảng 7. Hoạt động Chăm sóc sơ sinh cực non giai đoạn 2016-2017

Nội dung	2016	2017
Chăm sóc sơ sinh cực non		
+ Cứu sống cân nặng < 1000g	31%	29%
+ Cứu sống cân nặng 1000 - 1500g	81%	82%
+ Cứu sống cân nặng 1500g - 2000g	97%	96%

1.2.4. Di truyền - sinh học phân tử

2009-2011:

- Năm 2009: Buồng Di truyền là một bộ phận trực thuộc khoa Giải phẫu bệnh – tế bào – di truyền. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh, xét nghiệm di truyền tế bào (karyotype máu, dịch ối, gai nhau), kỹ thuật FISH chẩn đoán lệch bội trước sinh, sàng lọc và chẩn đoán đột biến gen thalassemia, xét nghiệm HPV tầm soát ung thư cổ tử cung, thực hiện giai đoạn 1 Đề án nâng cao chất lượng dân số thông qua sàng lọc trước sinh và sơ sinh (gọi tắt là Đề án Dân số) cho 11 tỉnh – thành phố, trở thành mô hình để mở rộng Đề án ra cả nước (dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Dân số KHHGD).

- Từ tháng 10/2010, thành lập khoa Xét nghiệm di truyền y học, triển khai kỹ thuật QF-PCR chẩn đoán nhanh lệch bội trước sinh, giải trình tự DNA tìm đột biến gen, ứng dụng kỹ thuật MLPA chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne, bệnh teo cơ tủy SMA, đột biến vi mất đoạn nhiễm sắc thể.

- Năm 2011: mở rộng Đề án Dân số cho 23 tỉnh – thành phố thuộc khu vực phía Nam (từ Khánh Hòa đến Cà Mau).

2012-2015:

Triển khai kỹ thuật XN sàng lọc trước sinh trên mẫu giấy thấm máu khô. Triển khai mới nhiều XN chẩn đoán gen bệnh di truyền phổ biến như: alpha và beta thalassemia, hemophilia, loạn dưỡng cơ Duchene (DMD), teo cơ tủy (SMA), xóa vi đoạn nhiễm sắc thể gây chậm phát triển tâm thần và dị tật bẩm

sinh, xác định giới tính. Kỹ thuật QF-PCR chẩn đoán trước sinh bất thường nhiễm sắc thể, sàng lọc trước sinh double test trên mẫu giấy thấm khô.

2016-2017:

Nhiều kỹ thuật mới đã được triển khai áp dụng tại bệnh viện như: kỹ thuật prenatal BOBs (chẩn đoán bất thường nhiễm sắc thể), kỹ thuật xét nghiệm nhiễm sắc thể đồ (array CGH) ứng dụng vào khảo sát bất thường di truyền phôi trước làm tổ, thai và người để tìm nguyên nhân dị tật bẩm sinh, chậm phát triển tâm thần và thể chất. Thực hiện đề tài nghiên cứu cấp thành phố về ứng dụng kỹ thuật NGS (giải trình tự gen thế hệ mới) vào xét nghiệm trước sinh lệch bội nhiễm sắc thể ở thai.

Bảng 8. Hoạt động khoa Xét nghiệm di truyền y học trong giai đoạn 2009 - 2011

Nội dung	2009	2010	2011
Sàng lọc Sơ sinh tại BVTĐ	51.306	39.426	53.446
Karyotype	1.644	1.668	1.682
Thalassemia	580	906	1.698

Bảng 9. Hoạt động khoa Xét nghiệm di truyền y học trong giai đoạn 2012 - 2015

Nội dung	2012	2013	2014	2015
Sàng lọc Sơ sinh tại BVTĐ	69.861	78.714	95.260	111.969
Karyotype	1.591	1.785	1.860	2.307
Thalassemia	1.735	1.622	1.474	1.571

Bảng 10. Hoạt động khoa Xét nghiệm di truyền y học trong giai đoạn 2016 - 2017

Nội dung	2016	2017
Sàng lọc Sơ sinh tại BVTĐ	117.783	124.926
Karyotype	2.690	3.153
Thalassemia	1.535	1.600

1.2.5. Chẩn đoán tiền sản

2009-2011:

Thành lập và từng bước triển khai ứng dụng MRI tại bệnh viện trong các bệnh

lý sản phụ khoa, đặc biệt phục vụ cho công tác chẩn đoán tiền sản.

2012-2015:

Áp dụng kỹ thuật mới: Truyền ối, giảm ối.

Tầm soát và phát hiện sớm thai kỳ bất thường, thai dị tật bẩm sinh, rối loạn nhiễm sắc thể.

Lưu các mẫu ối hoặc mẫu gai nhau cho chẩn đoán tiếp trong trường hợp có nghi ngờ bệnh lý của bé. Soạn - xin kết quả ối sớm với những trường hợp nghi ngờ có rối loạn nhiễm sắc thể.

Thực hiện quy trình phát thuốc ARV cho thai phụ nhiễm HIV

2016-2017:

- Triển khai một số kỹ thuật mới trong can thiệp bào thai: Truyền máu bào thai, Kẹp tắc dây rốn bằng đốt lưỡng cực qua nội soi thai trong các trường hợp song thai một nhau

- Thực hiện sàng lọc bệnh lý Tiền sản giật trong quy trình khám thai thường quy ba tháng đầu.

- Phối hợp đa chuyên khoa liên viện: Quy trình phối hợp sản – sơ sinh – nhi giữa BV Từ Dũ và BV Nhi đồng Thành phố.

Tóm lại, các chuyên khoa chuyên sâu tiếp tục phát triển, hiện tại bệnh viện là trung tâm của cả nước và khu vực về phẫu thuật nội soi, hiếm muộn vô sinh, sàng lọc trước và sau sinh, chăm sóc sơ sinh cực non. Trong giai đoạn 2009 - 2017, bệnh viện đảm bảo hoạt động chuyên môn an toàn, hiệu quả.

1.3. Hợp tác quốc tế - nghiên cứu khoa học – chỉ đạo tuyến.

2009-2011:

Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh, bệnh viện tiếp tục thực hiện công tác chỉ đạo tuyến theo sự phân công của Bộ Y tế: huấn luyện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho y tế các tỉnh, giám sát hỗ trợ chuyên môn. Triển khai Đề án 1816/QĐ-BYT về cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ tuyến trên về hỗ trợ

chuyển giao kỹ thuật mổ nội soi trong phụ khoa, cấp cứu tai biến sản khoa... tại 32 tỉnh thành phía Nam.

Về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học: bệnh viện ngày càng có nhiều đối tác hợp tác với các nước bạn trong việc đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các ứng dụng mới trên thế giới tại Việt Nam

2012-2015:

Trong giai đoạn 2013 -2015, bệnh viện Từ Dũ đã thực hiện đề án bệnh viện vệ tinh theo Quyết định số 774/QĐ - BYT ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013 - 2020 cho 2 bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận với các nội dung về chuyển giao kỹ thuật như cắt tử cung ngã âm đạo và nội soi ổ bụng, cấp cứu sản khoa, các thủ thuật sản khoa, chẩn đoán tiền sản, hồi sức sơ sinh, IUI...

Thực hiện nhiều đợt chuyển giao kỹ thuật cho những cán bộ y tế tuyến trước như kỹ thuật đẻ không đau, kỹ thuật phẫu thuật nội soi, nhiều bệnh viện tuyến dưới đã thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn nhờ các đợt đi chuyển giao kỹ thuật của Bệnh viện Từ Dũ. Mở các lớp đào tạo chuyên sâu như đào tạo cấp phẫu thuật gây mê hồi sức cho nhiều cán bộ y tế ở tuyến trước góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật tay nghề cho cán bộ y tế tuyến dưới, giúp giảm tải từ xa cho Bệnh viện.

Giám sát hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Chăm sóc sức khỏe sinh sản: triển khai các chuyến giám sát hỗ trợ chỉ đạo tuyến với tiêu chí lựa chọn giám sát đơn vị tại các tỉnh có phản hồi khẩn, vùng còn khó khăn, vùng sâu vùng xa. Tiếp nhận, phản hồi các trường hợp khẩn và rút kinh nghiệm chuyên môn cho các tỉnh tuyến trước nhằm nâng cao được chất lượng khám, chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến dưới, góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân tốt hơn.

Bệnh viện chủ động thực hiện tốt các chương trình hợp tác quốc tế trên lĩnh vực khoa học, phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo.

Phối hợp với Hội sản phụ khoa Cộng hòa Pháp, Hội Phụ khoa không biên giới Cộng hòa Pháp tổ chức thành công Hội nghị Việt – Pháp – Châu Á – Thái Bình Dương hàng năm. Đây là hội nghị lớn nhất nước, mỗi năm có khoảng 1.700 đến 2.000 đại biểu tham dự đến từ các tỉnh thành trên cả nước, đồng thời tiếp nhận sinh viên các trường Đại học y khoa tại Pháp sang Bệnh viện thực tập.

Ngoài ra phối hợp với Hội Điều dưỡng thành phố Hồ Chí Minh và Hội Điều dưỡng Úc, tổ chức các Hội thảo Điều dưỡng Việt – Úc; phối hợp với Hội

Gây mê hồi sức (Pháp) tổ chức các hội thảo khoa học chuyên đề gây mê hồi sức trong sản phụ khoa qua đó chuyển giao kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực gây mê hồi sức, góp phần đáng kể vào việc hạ thấp tỷ lệ tai biến cho các tuyến y tế cơ sở;...

Từ các Hội nghị, Hội thảo khoa học, rất nhiều tư liệu y học được cập nhật một cách có hệ thống và là những kinh nghiệm lâm sàng quý báu đã và đang ứng dụng hiệu quả tại Bệnh viện Từ Dũ, đồng thời được chuyển giao cho tuyến y tế cơ sở theo chức năng do Bộ Y tế phân công, bệnh viện Từ Dũ chỉ đạo hỗ trợ chuyên môn Sản phụ khoa cho các tỉnh thành phía Nam.

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được Lãnh đạo bệnh viện quan tâm và là tiêu chuẩn bình xét thi đua đối với tập thể cán bộ, y - bác sĩ và nhân viên của bệnh viện, nhằm cải tiến các quy trình chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng của người dân.

2016-2017:

Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh, công tác chỉ đạo tuyến cũng đã được bệnh viện triển khai từ tỉnh đến huyện, xã, thôn bản... giám sát hỗ trợ chuyên môn, đào tạo nâng cao trình độ cán bộ chuyên môn tuyến tỉnh và huyện có đủ khả năng, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương. Trong năm 2016, bệnh viện ứng dụng công nghệ thông tin giúp giảm chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động chỉ đạo tuyến. Ngoài các lớp đào tạo tập trung và không tập trung, trong năm 2017, bệnh viện đẩy mạnh đào tạo trực tuyến. Thực hiện mô hình bệnh viện vệ tinh mở rộng năm 2017 tại 10 tỉnh: Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận, Bệnh viện đa khoa khu vực Lagi Bình Thuận, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, Bệnh viện đa khoa tỉnh Long An, Bệnh viện phụ sản Tiền Giang, Bệnh viện sản nhi Sóc Trăng, Bệnh viện sản nhi Trà Vinh, Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long, Bệnh viện sản nhi Cà Mau.

Về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học: bệnh viện ngày càng có nhiều đối tác hợp tác với các nước bạn trong việc đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các ứng dụng mới trên thế giới tại Việt Nam. Bệnh viện hợp tác với nhiều tổ chức uy tín trên thế giới như: WHO, Hội sản phụ khoa Pháp, Hội sản phụ khoa không biên giới, Liên đoàn sản phụ khoa thế giới (FIGO), Hội thiện nguyện Úc, Đại học Nagoya, Đại học Oxford... Hàng năm bệnh viện tổ chức thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Tiêu biểu là đề tài nghiên cứu khoa học cấp Sở khoa học công nghệ “Giá trị của tỉ số sFlt1/PLGF trong tiên lượng kết cục thai kỳ ở bệnh lý tiền sản giật với tuổi thai 28-32 tuần”, nghiên cứu đã được ứng dụng vào phác đồ điều trị bệnh viện.

Bệnh viện Từ Dũ là đơn vị thực hành của nhiều trường đại học như: Đại học Y dược TP.HCM, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Khoa Y đại học quốc gia TP.HCM... Bên cạnh đó, bệnh viện cũng là cơ sở đào tạo liên tục cho tuyển sinh được Bộ Y tế công nhận cấp mã số B.26 và hoạt động tự đào tạo nguồn nhân lực của bệnh viện luôn được bệnh viện quan tâm phát triển.

Bảng 11. Hoạt động NCKH giai đoạn 2009-2017

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Nghiên cứu khoa học	13	12	18	15	12	10	25	14	8

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, bệnh viện cũng rất quan tâm đến sáng kiến cải tiến.

Bảng 12. Hoạt động sáng kiến cải tiến giai đoạn 2012-2017

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Sáng kiến cải tiến	168	104	120	129	132	202

Các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến mang lại hiệu quả thiết thực khi áp dụng vào thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh và quản lý, giảm cường độ lao động chân tay, giảm thời gian thao tác, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật - mỹ thuật, tiết kiệm chi phí và đem lại nhiều tiện ích.

Bảng 13. Hoạt động đào tạo giai đoạn 2009 -2017

	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Đào tạo cho tuyển dưới	3083	1489	1374	1284	1414	730	1277	480	14369
Đào tạo nội viện	1621	1675	1.791	478	1.282	1.430	1.852	2.158	1.917

1.4. Cơ cấu tổ chức

Trong giai đoạn 2009-2017, bệnh viện thành lập mới 6 khoa, phòng và đổi tên 10 khoa, phòng cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và vị trí của khoa, phòng, cụ thể như sau:

Bảng 14. Các khoa, phòng được thành lập mới trong giai đoạn 2009-2017

STT	Khoa, phòng	Năm
01	Khoa Xét nghiệm di truyền y học	2010
02	Phòng Công nghệ thông tin	2011
03	Phòng Quản lý chất lượng	2013
04	Khoa Chăm sóc trước sinh	2013
05	Khoa Hậu sản N	2014
06	Phòng Công tác xã hội	2016

Bảng 15 . Các khoa, phòng đổi tên trong giai đoạn 2009-2017

STT	Tên khoa, phòng	Năm đổi tên	Tên cũ
01	Khoa Giải phẫu bệnh	2009	Khoa Giải phẫu bệnh lý
02	Khoa Ung bướu phụ khoa	2009	Khoa Ung thư phụ khoa
03	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	2010	Khoa Chống nhiễm khuẩn
04	Khoa Dinh dưỡng, Tiết chế	2012	Khoa Dinh dưỡng
05	Khoa Gây mê Hồi sức	2013	Khoa Phẫu thuật Gây mê Hồi sức
06	Khoa Khám phụ khoa	2013	Khoa Khám bệnh
07	Khoa Sản G	2017	Khoa Hậu sản C
08	Khoa Sản H	2017	Khoa Hậu sản H (từ 2013)
09	Khoa Sản N1	2017	Khoa Hậu sản M (từ 2013)
10	Khoa Sản N2	2017	Khoa Hậu sản N (từ 2014)

1.5. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn – quản lý

Đáp ứng nhu cầu triển khai một số phương pháp, kỹ thuật hiện đại triển khai tại Bệnh viện trong giai đoạn 2009 – 2017, nguồn nhân lực giai đoạn này như sau:

Bảng 16. Đội ngũ cán bộ y tế giai đoạn 2009-2017

Nội dung	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Giáo sư – PGS	01	01	01	01	-	-	-	-	-
Tiến sĩ bác sĩ	05	5	05	06	09	08	06	07	6
Thạc sĩ bác sĩ	32	46	77	63	64	69	77	93	98
Bs. Chuyên khoa 2	30	40	91	38	44	55	56	57	53
Bs. Chuyên khoa 1	91	101	84	114	101	86	87	86	92
Bác sĩ	121	103	115	112	122	123	121	101	100
Tổng cộng	280	296	333	334	340	341	347	344	349

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoại ngữ (năm 2017) :

- 100% Ban Giám đốc có chứng chỉ quản lý bệnh viện; có trình độ ngoại ngữ B1 khung Châu Âu hoặc tương đương
- 50% Trưởng/Phó phòng chức năng có trình độ sau đại học
- 95,4% Trưởng/ Phó khoa có trình độ sau đại học
- 100% Trưởng/Phó khoa phòng có trình độ ngoại ngữ A2 khung Châu Âu hoặc tương đương
- 71,34% bác sĩ chuyên môn có trình độ sau đại học.

1.6. Công tác hành chính-quản trị-xây dựng cơ bản

1.6.1. Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu khám bệnh (địa điểm 227 đường Công Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh).

- Quy mô, công suất: 01 hầm, 01 trệt, 01 lửng, 08 lầu, sân thượng. Diện tích sàn sử dụng: 8.848,8 m²; Diện tích đất XD: 760 m² (1.474); Cải tạo, nâng cấp khu M1 với diện tích cải tạo nâng tầng: 338,54 m² (diện tích đất: 214,7 m²).

- Chức năng là Khu khám bệnh Phụ khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Hiếm muộn, chăm sóc trước sinh, khám phụ khoa, khám trẻ...

- Thời gian thực hiện dự án: 2010 - 2013

- + Khởi công : ngày 29/06/2010;
- + Hoàn thành và đưa vào sử dụng : 12/2013;
- + Tổng mức đầu tư: 91.714.000.000 đồng (Chín mươi một tỷ, bảy trăm mười bốn triệu đồng) bao gồm:
 - + Vốn ngân sách thành phố : 28.966.000.000 đồng
 - + Vốn vay kích cầu : 26.495.000.000 đồng
 - + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của BV: 36.253.000.000 đồng

1.6.2.Khu kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản (191 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP.HCM)

- Quy mô : Tổng diện tích sàn xây dựng: **20.929,4 m²**; Số tầng: 2 tầng hầm, 12 tầng (01 trệt, 11 lầu), tầng áp mái (kỹ thuật). Diện tích đất XD: **1.600 m²** (3.059)

- Với chức năng là Khu khám bệnh dịch vụ về Sản Phụ khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Kỹ thuật chẩn đoán Xét nghiệm Di truyền Y học, khu nội trú, phòng mổ, tạo hình thẩm mỹ... Ngoài ra, còn đáp ứng về giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên sâu.

- Thời gian thực hiện dự án: 2011-2013

- + Khởi công : 2011
- + Hoàn thành và đưa vào sử dụng : 12/2013
- Tổng mức đầu tư : 265.308.000.000 đồng
 - + Vốn ngân sách thành phố : 119.511.000.000 đồng
 - + Vốn vay kích cầu : 100.000.000.000 đồng
 - + Vốn ngân sách cấp bù Lãi vay kích cầu : 45.797.000.000 đồng

1.6.3.Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải (284 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP.HCM)

- Quy mô, công suất:

- + Xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải – Công suất 1.500 m³/ngày/đêm.
- + Tổng diện tích xây dựng: 340 m² .
- + Phương án là tách nước thải sinh hoạt từ tất cả các khu nhà, bể phốt để thu gom về trạm xử lý trước khi thải vào hệ thống thoát nước thành phố, sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước TP trên đường Lương Hữu Khánh.

- + Công nghệ xử lý nước thải được áp dụng là kết hợp hệ xử lý cơ học, hóa lý và hệ xử lý sinh học. Nước thải sau xử lý đạt TCVN 7382:2004, mức II.
- + Hệ thống xử lý nước thải được bố trí nửa chìm nửa nổi, trong đó:
Cụm bể xử lý bố trí phần chìm 4m và phần nổi 3m.
Cụm nhà điều hành đặt trên cụm bể xử lý, cao 4,5m.
- Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu khởi công : 07/2011
 - + Hoàn thành và đưa vào sử dụng : 06/2012
- Tổng mức đầu tư: (Vốn ngân sách thành phố) 22.782.796.000 đồng

1.6.4. Cải tạo, phát triển lưới điện trung hạ thế và hệ thống cáp điện (địa điểm 284 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP.HCM)

- Quy mô, công suất: Cáp ngầm trung thế; Trạm biến áp; Máy phát điện; Cáp ngầm hạ thế; Xây dựng nhà trạm.

Thời gian thực hiện dự án:

- + Khởi công : 10/08/2012
- + Hoàn thành và đưa vào sử dụng: 06/2014
- Tổng mức đầu tư: 74.794.000.000 đồng

1.6.5. Cải tạo khu E di dời Khoa Dược, Xét nghiệm từ Khu C sang Khu E

Thời gian thực hiện dự án:

- + Khởi công : 6/2017
- + Hoàn thành và đưa vào sử dụng: 10/2017
- Tổng mức đầu tư : 3.900.000.000đồng

1.6.6. Dự án hạ tầng công nghệ thông tin

Thời gian thực hiện dự án:

- + Khởi công : 7/2017
- + Hoàn thành và đưa vào sử dụng: 9/2018
- Tổng mức đầu tư : 7.900.000.000đồng

Bệnh viện đã hoàn thành xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu khám bệnh (địa điểm 227 đường Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh). Khu kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản (191 Nguyễn Thị Minh

Khai, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh.

1.7. Công tác khác.

1.7.1. Quản lý tài chính

- Hoàn chỉnh các cơ cấu xây dựng giá dịch vụ;
- Thực hiện cơ chế tài chính theo nghị định 85/2012/NĐ-CP;
- Điện toán hóa chương trình kế toán, tính và thu viện phí có kết nối số liệu với các khoa phòng trong bệnh viện;
- Hoàn chỉnh tất cả các quy trình liên quan đến tài chính kế toán;
- Triển khai áp dụng giá thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.

Về đầu tư: Năm 2017, Bệnh viện đã thực hiện mua sắm mới các trang thiết bị để thay thế các trang thiết bị đã cũ, đáp ứng kỹ thuật chuyên môn mới và hệ thống phòng mổ mới với giá trị lớn 99,9 tỷ đồng từ nguồn Quỹ Phát triển HDSN.

1.7.2. Công tác dược – vật tư thiết bị y tế

Đảm bảo cung ứng thuốc, hóa chất vật tư tiêu hao, trang thiết bị kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

1.7.3. Ứng dụng công nghệ thông tin

Song song với chức năng khám và điều trị, bệnh viện Từ Dũ triển khai ứng dụng phần mềm quản lý và chuyên môn; triển khai phần mềm tại khu khám bệnh theo yêu cầu từ khâu phát số, lập hồ sơ, khám bệnh, cho xét nghiệm cận lâm sàng, kê đơn thuốc, bước đầu triển khai đạt kết quả tốt; triển khai các dịch vụ đăng ký khám chữa bệnh qua Tổng đài 1081, 1062, dịch vụ trả kết quả xét nghiệm tại nhà, dịch vụ điều trị bệnh nhân trong ngày, dịch vụ chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật...góp phần giảm thiểu thời gian chờ đợi của bệnh nhân, phân luồng bệnh nhân hợp lý, giảm tải áp lực công việc cho nhân viên, giảm quá tải từ xa cho bệnh viện, nâng cao chất lượng phục vụ của bệnh viện, cải thiện mức độ hài lòng của bệnh nhân.

Hệ thống phần mềm được dùng làm mô hình mẫu áp dụng cho các khoa khám ngoại trú khác trong bệnh viện, dữ liệu được liên thông toàn bộ trong bệnh viện từ khu ngoại trú đến khu cấp cứu vào phòng mổ, phòng sanh và ra khu nội trú và khoa nhi. Ngoài ra, hệ thống tích hợp được nhiều thông tin quan trọng trên mã bệnh nhân: mã BHYT, mã nhập viện, mã số của chồng, mã số của con.

Tăng cường ứng dụng CNTT vào qui trình khám bệnh giúp giảm thời gian chờ đợi của người bệnh, hỗ trợ thanh toán nâng cao chất lượng phục vụ cải thiện sự hài lòng của người bệnh.

1.7.4. Quản lý Chất lượng

Bệnh viện Từ Dũ luôn chú trọng công tác Quản lý chất lượng bệnh viện. Năm 2013, bệnh viện đã thành lập phòng Quản lý Chất lượng với chức năng nhiệm vụ thiết lập hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng và ban hành các văn bản về quản lý chất lượng trong bệnh viện.

Bệnh viện xây dựng hệ thống các quy trình khám chữa bệnh. Ngoài ra, Bệnh viện còn thực hiện nhiều hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng như phát hành bản tin an toàn người bệnh, triển khai báo cáo sự cố qua mạng, phản hồi phúc đáp nhiều câu hỏi thắc mắc các bệnh lý về Sản Phụ khoa thông qua diễn đàn, email của bệnh viện,... nhằm cung cấp dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả, đem lại sự hài lòng cho người bệnh, người dân và nhân viên y tế.

Tăng cường hoạt động cải tiến chất lượng bệnh viện thông qua việc rút kinh nghiệm từ các sự cố, xây dựng và cải tiến qui trình với phương châm lấy người bệnh làm trung tâm cho mọi hoạt động.

Bảng 17. Quy trình phê duyệt giai đoạn 2014-2017

Năm	2014	2015	2016	2017
Số Quy trình phê duyệt	54	45	115	61

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỪ DŨ**

Giai đoạn 2009 - 2017

1. Nguồn nhân lực

TT	Nội dung	2011	2015		2017
		TH	KH	TH	TH
1	Tổng số chung	2035	2117	2176	2187
1.1	Cán bộ có biên chế	1300	1697	1301	1232
1.2	Cán bộ hợp đồng trên 12 tháng	740	420	834	955
2	Tổng số cán bộ hệ khám chữa bệnh				
	Trong đó:				
2.1	Cán bộ chuyên ngành sản phụ khoa	1050	1050	1182	1203
2.2	Cán bộ chuyên ngành nhi	175	200	186	183
2.3	Cán bộ cận lâm sàng	260	260	275	268
3	TS cán bộ làm công tác cung ứng thuốc	50	55	50	51
4	TS cán bộ làm công tác quản lý y tế	140	170	146	154
5	Tỷ lệ cán bộ làm việc đúng chuyên ngành đào tạo	100%	100%	100%	100%
6	Số cán bộ y tế được tham gia các khoá đào tạo lại theo đúng chuyên ngành đang làm việc	60	100	182	208
7	Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyển giao công nghệ trong nước	200	82	148	153
8	Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyển giao công nghệ ở nước ngoài	8	2	9	4

Quy mô chung về nhân lực y tế

TT	Loại hình cán bộ	2011	2012-2015		2017
		TH	KH	TH	TH
1	Bác sĩ	330	350	347	349
2	Dược sĩ đại học	16	18	15	16
3	Cử nhân điều dưỡng/Hộ sinh	100	160	191	220
4	Cử nhân kỹ thuật y học	45	60	71	66
5	Điều dưỡng trung học	40	50	57	67
6	Hộ sinh trung học	840	880	865	866
7	Kỹ thuật viên trung học	95	100	101	87
8	Dược sĩ trung học	25	28	31	32
9	Y sĩ các chuyên ngành	35	35	35	31
10	Đại học khác	70	80	118	124
11	Trung học khác	40	45	50	50
12	Cán bộ khác	399	311	295	279
	Tổng số :	2035	2117	2176	2.187

Đào tạo nguồn nhân lực

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện 2012-2015	Kế hoạch đến năm 2020	Thực hiện 2017
Đào tạo trong nước				
- Sau đại học	25VC/năm	18 VC/ năm	20 VC/ năm	23 VC/ năm
- Cử nhân điều dưỡng, Hộ sinh	20 VC/năm	19 VC / năm	10 VC /năm	71 VC/ năm
- Bồi dưỡng chuyên môn, tin học, quản lý nhà nước ...	500 lượt/năm	130 lượt/ năm	150-200 lượt/năm	220 lượt/năm

Đào tạo ở nước ngoài				
- Dài hạn (từ 6 tháng trở lên)	03VC/năm	01 VC / 02 năm	01 VC/ năm	-
- Ngắn hạn, tham dự hội nghị hội thảo	50 VC/năm	90 lượt VC/ năm	90 VC/ năm	92
Các chỉ tiêu khác				
- Ban giám đốc có chứng chỉ quản lý bệnh viện hoặc quản lý nhà nước	100%	100%	100%	100%
- Ban giám đốc có trình độ ngoại ngữ bằng C trở lên	100%	100%	100%	100%
- Trình độ sau đại học của trưởng, phó phòng chức năng	50%	50%	50%	50%
- Trình độ sau đại học của trưởng phó các khoa	70%	90,9%	70%	95,4%
- Trưởng phó các khoa, phòng có trình độ ngoại ngữ bằng C trở lên	50%	75,6%	50%	73,3%
- Bác sĩ có trình độ sau đại học đến năm 2020	70%	66,3%	70%	71,34%

2. Phát triển chuyên môn- kỹ thuật

Nội dung	Kế hoạch 2012 - 2015	Thực hiện 2012 - 2015	Thực hiện 2017
Chỉ tiêu giường bệnh	1.200	1.898	1.739
Điều trị hiếm muộn vô sinh			
- Chu kỳ thụ tinh trong ống nghiệm/năm	2.000	3382	4949
- Tỷ lệ có thai lâm sàng	35%	35.97%	40,58%
- Bác sĩ Hiếm muộn có kiến thức về sản phụ khoa và siêu âm	80%	80%	100%
- Đào tạo, huấn luyện	Chuẩn hóa tài liệu đào tạo, có mã số đào tạo về IUI, IVF	Chuẩn hóa tài liệu đào tạo, có mã số đào tạo về IUI, IVF	Mã số giáo dục của Bộ Y Tế
- Nội dung khác		- Kỹ thuật ICSI với tinh trùng lấy từ mào tinh (MESA) - Kỹ thuật ICSI lấy tinh trùng từ tinh hoàn (TESE) - Đông lạnh phôi, đông lạnh trứng. Chuyển phôi hỗ trợ phôi thoát màng. - Mang thai hộ	
Nội soi			
- Xây dựng trung tâm đào tạo về nội soi cho BS trong và ngoài nước	Chuẩn hóa tài liệu đào tạo, có mã số đào tạo về nội soi	- Chuẩn hóa tài liệu đào tạo. - Xây dựng trung tâm đào tạo, đầu tư TTB	Trang bị phòng Khu giảng dạy hiện đại: hệ

		cho học viên thực tập.	thống tích hợp vi tính, trang bị máy nội soi thực hành 3D
<i>Chăm sóc sơ sinh</i>	Xây dựng đơn vị khám theo dõi và điều trị sớm cho các trẻ sơ sinh có nguy cơ tàn tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Khoa PHCN và BV NĐ1 + NĐ 2 khám theo dõi và điều trị sớm cho các trẻ sơ sinh có nguy cơ tàn tật. - Triển khai bơm Surfactant để điều trị hội chứng nguy kịch hô hấp cấp. 	<p>Trang bị trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh:</p> <p>Máy khám đáy mắt</p> <p>Máy đo thính lực trẻ sơ sinh.</p> <p>Hệ thống monitor trung tâm.</p> <p>Máy siêu âm màu có đầu dò nhi sơ sinh.</p> <p>-Triển khai kỹ thuật hạ thân nhiệt chủ động điều trị bệnh não thiếu oxy thiếu máu cục bộ</p>
<i>Di truyền y học</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các phương pháp chẩn đoán không xâm lấn an toàn, chính xác và thuận lợi ở giai đoạn sớm của thai kỳ. - Triển khai và mở rộng sàng lọc, 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai kỹ thuật XN sàng lọc trước sinh trên mẫu giấy thấm máu khô. - Triển khai mới nhiều XN chẩn đoán gen bệnh di truyền phổ biến như: alpha và beta thalassemia, hemophilia, loạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai và mở rộng sàng lọc, chẩn đoán trước sinh bệnh di truyền lưu hành phổ biến trong quần thể người Việt Nam như:

	<p>chẩn đoán trước sinh bệnh di truyền lưu hành phổ biến trong quần thể người Việt Nam như: thalassemia, hemophilia cho TPHCM và các tỉnh thành phía nam</p>	<p>dưỡng cơ Duchene (DMD), teo cơ tủy (SMA), xóa vi đoạn nhiễm sắc thể gây chậm phát triển tâm thần và dị tật bẩm sinh, xác định giới tính.</p>	<p>thalassemia, QF-PCR chẩn đoán bất thường nhiễm sắc thể cho TPHCM và các tỉnh thành phía nam</p>
<p>Tạo hình thẩm mỹ</p>	<p>- Đào tạo, củng cố kỹ năng tư vấn cũng như phẫu thuật cho đội ngũ cán bộ tham gia đơn vị thẩm mỹ. -Tạo hình đường âm đạo trong dị tật bẩm sinh đường sinh dục nữ. - Tạo hình thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài trước và sau sinh</p>	<p>- Xây dựng quy trình, phác đồ về các chỉ định tạo hình thẩm mỹ. -Đào tạo, củng cố kỹ năng tư vấn cũng như phẫu thuật cho đội ngũ cán bộ tham gia đơn vị thẩm mỹ. -Triển khai các kỹ thuật cao tại Bệnh viện như: Tạo hình đường âm đạo trong dị tật bẩm sinh đường sinh dục nữ, tạo hình thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài trước và sau sinh, tạo hình thẩm mỹ vùng bụng-ngực, giải quyết các trường hợp dị tật bẩm sinh liên quan đến giới tính và chuyển đổi giới tính. - Triển khai nội khoa thẩm mỹ: ăn sóc da, điều trị các vấn đề về da cho phụ nữ trước và sau sanh. Bước đầu</p>	<p>-Triển khai các kỹ thuật cao về thẩm mỹ bụng, ngực, sinh dục. -Triển khai các kỹ thuật nội khoa thẩm mỹ : Tiêm Botox, laser thẩm mỹ, Filler,chăm sóc da, điều trị da thẩm mỹ. -Massage cho phụ nữ có thai, sản phụ. -Massage cho bé. -Massage thuyên tắc tuyến sữa. -Tiếp tục hoàn thiện phát đồ và chỉ</p>

		thành lập Massage thư giãn cho phụ nữ trước-trong và sau sinh, Massage thông tắc sữa sớm cho phụ nữ sau sinh.	định nội ngoại khoa thẩm mỹ .
Ung thư phụ khoa	Giải quyết tất cả các bệnh về ung thư phụ khoa theo chu trình khép kín: phẫu thuật, hóa trị, xạ trị, điều trị nội tiết.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lại phác đồ điều trị và thực hiện phác đồ giảm đau trong chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư giai đoạn cuối. - Xây dựng đơn vị chăm sóc tiền phẫu và hậu phẫu ung thư; Triển khai mổ cắt tử cung tận gốc và nạo hạch chậu; mổ ung thư cổ tử cung, ung thư nội mạc tử cung giai đoạn II; Chuẩn hóa phương pháp chẩn đoán u vú cord Biopsie 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phác đồ giảm đau trong chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư giai đoạn cuối. - Xây dựng đơn vị chăm sóc tiền phẫu ung thư. - Người bệnh ung thư sau mổ chuyển về các khoa hậu phẫu chăm sóc. - Sinh thiết lõi vú (Core Biopsie) đã thực hiện, nhưng chưa chuẩn bị đủ dụng cụ, trang thiết bị cho phòng thực hiện.

3. **Trang thiết bị y tế:** Xem phụ lục 1 đính kèm

4. **Thu chi tài chính:** Xem phụ lục 2 đính kèm

III. KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo đánh giá việc thực hiện đề án quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2009 - 2017 và quy hoạch phát triển bệnh viện đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 có bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn như : tự chủ tài chính, quản lý chất lượng bệnh viện, xây dựng cơ bản ...

Nhìn chung, các nội dung trong đề án quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 giai đoạn 2009 - 2017 đã được bệnh viện đưa vào kế hoạch công tác hàng năm và triển khai thực hiện đúng nội dung và tiến độ. Một số nội dung không còn phù hợp được điều chỉnh một cách kịp thời. Bệnh viện cũng đã cập nhật, bổ sung các nội dung theo định hướng phát triển Ngành của Bộ Y tế và Sở Y tế. Có xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu và có đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu theo từng giai đoạn cụ thể (bảng kết quả thực hiện các chỉ tiêu giai đoạn 2009 – 2017 đính kèm).

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 .
2. Căn cứ Nghị định số Số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định Số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
3. Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05 tháng 04 năm 2017 của Bộ Xây Dựng về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng.
4. Căn cứ TCXDVN 365/ 2007 “ Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế” thay thế TCVN 4470-1995 “Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế”
5. Căn cứ TCXDVN 365: 2007 “Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế” quy định các yêu cầu kỹ thuật khi thiết kế bệnh viện đa khoa, theo quy mô và phân cấp quản lý do Bộ Y tế quy định, được Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 18/QĐ - BXD ngày 15 tháng 5 năm 2007.
6. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012 về Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế
7. Căn cứ Quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02/7/2004 của ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.
8. Căn cứ công văn số 1560/SYT-KHTH ngày 12/4/2005 của Sở Y tế về việc xin chủ trương lập quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
9. Căn cứ công văn số 662/SYT-KH TH ngày 31/1/2007 của Sở Y tế về việc thực hiện quy hoạch cơ sở vật chất đơn vị đến năm 2020.
10. Căn cứ văn bản số 3043/SQHKT-QHC&HT ngày 7/8/2007 ý kiến của Sở Quy hoạch kiến trúc về đề án quy hoạch phát triển Bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.

11. Căn cứ công văn số 4561/TB-SQHKT ngày 7/11/2007 của Sở Quy hoạch kiến trúc về việc hướng dẫn thành phần hồ sơ thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và 1/500 nộp tại Sở Quy hoạch kiến trúc.
12. Căn cứ văn bản số 4055/KHĐT-VX ngày 16/7/2007 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư về đề án quy hoạch phát triển Bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
13. Căn cứ công văn số 1004/SYT-KHTH ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Sở Y Tế về việc đề án quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020.
14. Căn cứ văn bản số 4442/SYT-KHTH ngày 14 tháng 8 năm 2009 về chủ trương thực hiện dự án xây mới Trung tâm chẩn đoán tiền sản và Khu điều trị ban ngày của bệnh viện Từ Dũ.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện chuyên ngành về Sản Phụ khoa, qua 80 năm hình thành và phát triển đến nay bệnh viện Từ Dũ đã trở thành bệnh viện chuyên khoa loại 1 được Bộ Y tế giao nhiệm vụ chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ cho 32 tỉnh và thành phố phía Nam, từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Song song với nhiệm vụ triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa thông thường, bệnh viện đã luôn nỗ lực mạnh dạn đầu tư phát triển nhiều kỹ thuật chuyên sâu bằng các nguồn kinh phí cho phép và cũng là nơi đầu tiên áp dụng các thành tựu mới trong lĩnh vực sản phụ - phụ khoa ở Việt Nam mang lại nhiều kết quả có ý nghĩa cho sự phát triển của xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và sơ sinh. Một số các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn đã rất thành công tại bệnh viện Từ Dũ như :

- Phẫu thuật nội soi sản cơ bản và nâng cao (điều trị ung thư, sa tạng chậu) trong phụ khoa
- Siêu âm sản phụ khoa cơ bản, nâng cao
- Phục hồi chức năng trẻ sơ sinh trong bệnh viện Sản
- Hỗ trợ sinh sản (thụ tinh trong ống nghiệm, bơm tinh trùng vào buồng tử cung....) điều trị hiếm muộn vô sinh, và đã đạt chuẩn quốc tế RTAC . Từ thành công với 3 bé đầu tiên ra đời vào ngày 30/4/1998. đến ngày 31/12/2017 đã có 10.665 cháu ra đời bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm.
- Chương trình mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
- Nuôi sống trẻ sơ sinh non tháng, và ứng dụng thành công mô hình chăm sóc sơ sinh bằng phương pháp Kangaroo, điều trị hạ thân nhiệt

cho sơ sinh bệnh não do thiếu oxy, thở khí NO cho sơ sinh bị cao áp phổi

- Chẩn đoán và chăm sóc tiền sản cho các thai kỳ bệnh lý (bệnh lý mẹ và cả bệnh lý thai)
- Xét nghiệm di truyền y học trong chẩn đoán các bệnh lý liên quan đến nhiễm sắc thể của thai nhi, bệnh di truyền cho người lớn, sơ sinh.
- Tầm soát tiền sản và sơ sinh giữ vai trò tiên phong
- Tầm soát và điều trị bệnh lý tuyến nhũ và ung thư cổ tử cung
- Thực hiện các kỹ thuật kế hoạch hoá gia đình bằng nhiều mô thức (thuốc uống , hút lòng tử cung, nong gấp ... và thực hiện chấm dứt thai kỳ cho thai kỳ bệnh lý có tuổi thai lớn, khó khăn)

Bên cạnh công tác phát triển các chuyên khoa sâu, bệnh viện luôn duy trì đẩy mạnh việc tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực sản phụ khoa và sơ sinh nhằm giảm tỷ lệ tử vong, tai biến cho mẹ và sơ sinh tại 32 tỉnh thành phía Nam, là địa chỉ thực tập chuyên môn cho sinh viên và bác sĩ trẻ đến từ khắp nơi trên toàn quốc và các nước Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Úc, Lào, Campuchia, Indonesia , Philippine...

Hàng năm bệnh viện tổ chức thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học nhằm ứng dụng những tiến bộ khoa học về y học phục vụ cho công tác chuyên môn.

Phát huy truyền thống tốt đẹp qua nhiều thế hệ, bệnh viện luôn phấn đấu để giữ vững thành tích đạt được và nhận được nhiều danh hiệu cao quý như:

- Đảng bộ trong sạch vững mạnh liên tục từ năm 1980 đến nay.
- Huân chương Lao Động hạng Ba (1982), Nhì (1985), Nhất (1989)
- Được Nhà nước hai lần phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động lần 1(1985), lần 2 (2002)
- Huân chương Độc lập hạng Ba (1998), hạng Hai (2001), hạng nhất năm 2012
- Tập thể nữ Bệnh viện được tặng Giải thưởng KOVALEVSKAIA (1998)

Bên cạnh những thành tựu đạt được trên, bệnh viện vẫn còn một số thách thức lớn: Việt Nam đã hội nhập với thế giới, do đó tiêu chuẩn cơ sở vật chất ngày càng phải đúng qui chuẩn, bệnh viện phải trang bị thêm các thiết bị hiện đại, xây dựng thêm cơ sở hạ tầng để đáp ứng không chỉ nhu cầu phát triển chuyên môn kỹ thuật mà còn phục vụ nhu cầu tư vấn, chẩn đoán, chăm sóc và điều trị ngày càng cao của khách hàng bệnh viện và người bệnh; y học thế giới ngày càng phát triển nhất là các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, phẫu thuật nội soi nâng

cao phức tạp trong bệnh lý ung thư, sản chầu, phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, các can thiệp ít sang chấn đến người bệnh và sơ sinh, tầm soát trước sinh và sơ sinh, tầm soát các bệnh lý ác tính ở người phụ nữ do đó bệnh viện phải luôn thay đổi, cập nhật, phát triển ứng dụng các kỹ thuật để không bị lạc hậu so với y học thế giới, giúp khách hàng và người bệnh của mình được thụ hưởng tất cả ưu việt của thành tựu y học tiên tiến.

Với trách nhiệm và vai trò của bệnh viện đầu ngành trong lĩnh vực sản phụ khoa nằm khu vực phía nam, để luôn xứng đáng với sự tin nhiệm của Bộ Y tế, Ủy Ban Nhân dân thành phố, Sở Y tế và người dân đến khám chữa bệnh, bệnh viện Từ Dũ sẽ tiếp tục nỗ lực, cố gắng và hoàn thiện hơn nữa những kết quả đạt được đồng thời xây dựng Kế hoạch phát triển bệnh viện giai đoạn 2018 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 làm cơ sở cho việc phát triển toàn diện và bền vững, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần tích cực vào việc phục vụ tốt nhất cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II.1. Mục tiêu chung

Quy hoạch và xây dựng bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Phụ Sản hiện đại với 1200 giường, phát triển hợp lý, phù hợp xu thế phát triển của khu vực và thế giới.

Đầu tư nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị cơ bản song song với việc phát triển y tế chuyên sâu, phấn đấu đến năm 2020 bệnh viện Từ Dũ trở thành một bệnh viện có cơ sở vật chất ngang tầm với các nước trong khu vực và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ tiên tiến trên thế giới.

II.2. Mục tiêu cụ thể

1. Phát triển thành bệnh viện Phụ Sản hiện đại với các chuyên khoa sâu về: Hỗ trợ sinh sản với ngân hàng tinh trùng, trứng, phôi, phẫu thuật nội soi nâng cao phức tạp trong sản phụ khoa và can thiệp điều trị bào thai, điều trị bệnh lý sơ sinh và sơ sinh cực non, ung thư phụ khoa, chăm sóc tiền sản và can thiệp điều trị trong bào thai, tầm soát bệnh lý ác tính trong phụ khoa (bệnh lý tuyến nhũ, ung thư cổ tử cung), các chẩn đoán hình ảnh với các kỹ thuật cao cấp, tầm soát lệch bội thai với hệ thống giải trình tự gene NIPS (NIPT), ngân hàng máu cuống rốn, ngân hàng sữa mẹ.
2. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất trong toàn hệ thống các khoa phòng, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn, trang thiết bị, labo xét nghiệm, kho lưu trữ ... đạt theo tiêu chuẩn của ngành về thiết kế, đúng quy định của Bộ Y tế và phấn đấu đạt chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng.

3. Phân đầu 100% các khoa phòng chuyên môn có Bác sĩ được thường xuyên đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn để đảm nhận tốt nhiệm vụ chẩn đoán điều trị các bệnh lý sản phụ khoa cơ bản bên cạnh có khả năng nghiên cứu khoa học và khả năng ứng dụng các kỹ thuật mới.
4. Phân đầu nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn sau Đại học để đến năm 2020 bệnh viện Từ Dũ có một đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, một lực lượng thầy thuốc có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, cũng như Có đủ cán bộ viên chức theo quy định tại TTLT 08/2007/TTLT- BYT- BNV ngày 05/6/2007.
5. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc và thuốc có chất lượng, không để thiếu thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu, thiếu hoá chất, sinh phẩm, thuốc đặc trị chuyên khoa...
6. Phát triển và hoàn thiện tiếp tục theo hướng hiện đại hoá huấn luyện đào tạo trên mô hình vốn đã có trước đây, trở thành bệnh viện chuyên khoa có uy tín về thực hành y khoa không chỉ cho sinh viên, bác sĩ sau đại học của các trường đại học tại thành phố Hồ chí Minh mà còn cho các trường đại học thuộc khu vực phía nam, quốc tế, và đào tạo theo nhu cầu xã hội.
7. Hỗ trợ chuyên môn, chuyên giao kỹ thuật cho các BV tuyến trước theo yêu cầu của Bộ y tế, Vụ sức khoẻ sinh sản. Đẩy mạnh thực hiện vai trò bệnh viện hạt nhân cho hệ thống các bệnh viện vệ tinh.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN :

III.1. Hoạt động chuyên môn – huấn luyện đào tạo – nghiên cứu khoa học – hỗ trợ tuyến trước:

a. Thực hiện vượt mức các chỉ tiêu về giường bệnh, hoạt động chuyên môn do Sở Y tế giao.

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
- Số giường bệnh nội trú	1.200	1.200	1.200
- TS lượt người điều trị nội trú	115.996	111.100	120.900
+ <i>Bệnh nhân sản, phụ khoa</i>	99.696	100.900	108.500
+ <i>Bệnh nhân nhi khoa</i>	16.300	10.200	12.400
- TS lượt người điều trị ngoại trú	220.240	221.600	246.000

- Tổng số lần khám	1.050.873	1.028.600	1.090.800
- TS lượt cấp cứu nhập viện	85.500	70.700	70.000
- Tổng số sanh	66.000	62.500	68.000
- Tổng số ca phẫu thuật	47.300	47.000	47.000
- Tổng số ca thủ thuật	95.700	102.200	105.200
- TS lần xét nghiệm	2.890.000	2.664.200	2.880.000
- TS lần X - quang	76.000	70.000	75.100
- TS lần siêu âm	769.800	779.800	790.000

b. Tiếp tục thực hiện công tác chỉ đạo tuyến đã triển khai cho các tỉnh thành phía nam theo sự phân công của Bộ Y tế, hỗ trợ và giám sát hệ thống các bệnh viện vệ tinh nhằm xoá bỏ ranh giới và khoảng cách chuyên môn của tuyến trước và tuyến sau giúp các bệnh viện đều có đủ khả năng, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương.

c. Nỗ lực thúc đẩy và phổ cập tiếp tục cho toàn khu vực phía nam chương trình phòng lây truyền mẹ con (HIV/ AIDS), phấn đấu đến năm 2020 đạt 90% phụ nữ có thai được tầm soát HIV đầu thai kỳ, 90% sơ sinh của các bà mẹ HIV/ AIDS được tầm soát bị nhiễm HIV, và đạt 90% mục tiêu đề ra này trong năm 2020 (90/90/2020). Triển khai tầm soát, tư vấn, điều trị thai phụ và sơ sinh có mẹ bị nhiễm HIV trong chương trình phòng lây truyền mẹ con, mục tiêu đến năm 2020 đạt trên 90%.

d. Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học tiếp tục với các hiệp hội khoa học lớn tại Anh – Pháp – Hoa Kỳ - Úc trong đào tạo nguồn nhân lực, chuyên môn kỹ thuật mới, và triển khai các ứng dụng tiên tiến trên thế giới tại Việt Nam.

e. Hoàn thiện các lĩnh vực chuyên khoa :

- Khoa Điều trị trong ngày
- Mô hình tư vấn dinh dưỡng theo chuyên đề (dinh dưỡng trong bệnh tim mạch, đái tháo đường, nhiễm trùng...)
- Khoa Sức khỏe người cao tuổi
- Ngân hàng máu cuống rốn (với khả năng lưu trữ được 100.000 mẫu máu cuống rốn)
- Ngân hàng sữa mẹ bệnh viện Từ Dũ - khu vực phía nam.
- Phẫu thuật nội soi trong sản phụ khoa có sử dụng Robot, 3D.
- Điều trị bệnh lý phụ khoa với kỹ thuật sử dụng sóng siêu âm hội tụ cường độ cao qua hình ảnh cắt lớp

- Phẫu thuật nội soi can thiệp điều trị trong thời kỳ bào thai
- Trữ mô buồng trứng trong bảo tồn sinh sản, ngân hàng tinh trùng – trứng.
- Tầm soát và điều trị các bệnh lý tuyến vú, ung thư cổ tử cung bằng kỹ thuật cao.
- Tầm soát, dự phòng và điều trị các bệnh lý mẹ trong thai kỳ (Tiền sản giật, đái tháo đường...).
- Tầm soát và tư vấn, điều trị các bất thường thai nhi.
- Tầm soát và tư vấn, điều trị cho tiền sản và sơ sinh.
- Triển khai chương trình phối hợp Sản Nhi , có sự phối hợp với các BV Nhi đồng 1,2, Nhi đồng thành phố.
- Triển khai tiếp tục với mục tiêu 100% chăm sóc bà mẹ sơ sinh thiết yếu sớm trong mô lấy thai
- Triển khai mạnh hoạt động Dược lâm sàng tiếp tục, và mục tiêu 100% các khoa lâm sàng có sự tham gia của Dược lâm sàng ở năm 2020

III.2. Phát triển nguồn nhân lực

TT	Nội dung thông tin	Năm			
		2018	2019	2020	2025
1	Tổng số chung	2190	2200	2280	2480
1.1	Cán bộ có biên chế	1600	1700	2100	2330
1.2	Cán bộ hợp đồng trên 12 tháng	590	500	180	150
2	Tổng số cán bộ hệ khám chữa bệnh				
	Trong đó:				
2.1	Cán bộ chuyên ngành sản phụ khoa	1220	1230	1350	1500
2.2	Cán bộ chuyên ngành nhi	190	190	220	230
2.3	Cán bộ cận lâm sàng	270	270	280	290
3	TS cán bộ làm công tác cung ứng thuốc	50	50	60	70
4	TS cán bộ làm công tác quản lý y tế	155	155	165	185
5	Tỷ lệ cán bộ làm việc đúng chuyên ngành đào tạo	100%	100%	100%	100%
6	Số cán bộ y tế được tham gia các	60	60	100	100

	khoa đào tạo lại theo đúng chuyên ngành đang làm việc				
7	Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyển giao công nghệ trong nước	150	150	150	150
8	Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyển giao công nghệ ở nước ngoài	08	08	20	20

- Quy mô chung về nhân lực y tế

TT	Loại hình cán bộ	Năm			
		2018	2019	2020	2025
1	Bác sĩ	345	350	360	360
2	Dược sĩ đại học	20	20	20	20
3	Cử nhân điều dưỡng	240	250	250	250
4	Cử nhân kỹ thuật y học	65	70	90	90
5	Điều dưỡng trung học	70	70	60	60
6	Hộ sinh trung học	860	850	930	930
7	Kỹ thuật viên trung học	90	90	110	110
8	Dược sĩ trung học	30	30	36	36
9	Y sĩ các chuyên ngành	28	26	25	25
10	Đại học khác	130	130	125	125
11	Trung học khác	50	50	53	53
12	Cán bộ khác	262	264	221	221
	Tổng số :	2190	2200	2280	2.280

Đào tạo cán bộ chuyên môn ngắn hạn (trong nước và ngoài nước): đào tạo kỹ thuật mới, tham dự hội nghị, hội thảo chuyên đề...

Đào tạo cán bộ chuyên môn dài hạn (trong nước và ngoài nước)

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, bệnh viện đầu tư đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại

học, tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực : quản lý bệnh viện, quản lý chất lượng, nghiên cứu khoa học; các lĩnh vực chuyên sâu của Sản phụ khoa, Sơ sinh, Y học bào thai, Di truyền y học, Hỗ trợ sinh sản, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư, Tạo hình cho các dị tật bẩm sinh phụ khoa, Dinh dưỡng bệnh lý, Chăm sóc điều dưỡng, Tầm soát phát hiện sớm bệnh lý ác tính của phụ nữ, Tầm soát tiền và sơ sinh nâng cao...

Hình thức đào tạo: dài hạn (trong và ngoài nước), ngắn hạn.

Số lượng dự kiến:

Hình thức đào tạo	Nội dung đào tạo	Số lượng CBVC được đào tạo/năm
Đào tạo trong nước	- Sau đại học (dài hạn)	20 CBCC/năm
	- Cử nhân điều dưỡng, hộ sinh	70 CBCC/năm
	- Bồi dưỡng (CM, tin học, QL)	150-200 lượt CBCC/năm
Đào tạo ở nước ngoài	- Dài hạn	01 CBCC/năm
	- Ngắn hạn, tham dự Hội nghị hội thảo	90 CBCC/năm

Kinh phí: học bổng, tự túc, chương trình dự án....

III.3. Đầu tư cơ sở hạ tầng

III.3.1. Áp dụng tiêu chuẩn xây dựng bệnh viện

Cho đến nay tiêu chuẩn 365:2007 là tiêu chuẩn xây dựng cho bệnh viện đa khoa mà mức tính cao nhất cũng chỉ áp dụng đến loại bệnh viện đa khoa 500 giường, trong khi bệnh viện Từ Dũ là bệnh viện chuyên khoa có qui mô 1200 giường do đó các tiêu chuẩn chỉ mang tính tham khảo.

Khối điều trị bệnh nhân nội trú phải thiết kế theo đơn nguyên điều trị có quy mô từ 25 đến 30 giường. Để có một bệnh viện với quy mô 1200 giường, cần phải có 40 đơn nguyên điều trị. Mỗi đơn nguyên điều trị gồm có:

- Phòng bệnh nhân và khu sinh hoạt của bệnh nhân
- Các phòng nghiệp vụ của đơn nguyên
- Phòng làm việc, sinh hoạt của nhân viên

Tổng diện tích sử dụng của bệnh viện Từ Dũ cho quy mô 1200 giường điều trị là 27.144m² (Đính kèm phụ lục số 1).

Cũng theo TCVN 4451:1987, hệ số mặt bằng K được tính như sau:

$$K = \frac{\text{Diện tích sử dụng}}{\text{Diện tích xây dựng}} = 0,4 - 0,45$$

Hệ số K nói trên được áp dụng cho các công trình nhà ở. Đối với bệnh viện, do các khu phụ (hành lang, cầu thang, thoát hiểm...) chiếm khá nhiều diện tích, vì vậy chỉ lấy hệ số K = 0,4. Với tổng diện tích sử dụng theo tiêu chuẩn là 27.144 m² thì tổng diện tích xây dựng cho khu điều trị nội trú của bệnh viện Từ Dũ có quy mô 1200 giường phải là:

$$\text{Diện tích cần xây dựng} = 27.144 / 0,4 = 67.860 \text{ m}^2.$$

Hiện tổng diện tích sàn sử dụng của các khu nhà A, B, C, E, G và điều trị chuyên sâu hiện nay (các khu có giường bệnh nội trú) là 25.233 m². (Không tính đến Khu D hiện là khu vực hành chánh và khu Làng Hòa Bình là khu vực hiện bố trí chăm sóc cho các trẻ khuyết tật)

$$\text{Diện tích còn thiếu cho việc bố trí giường bệnh đạt theo tiêu chuẩn quy định} = 67.860 \text{ m}^2 - 25.233 \text{ m}^2 = 42.627 \text{ m}^2.$$

III.3.2. Quy hoạch phát triển bệnh viện theo các giai đoạn:

Để đảm bảo tính ổn định hoạt động và phát triển của bệnh viện cần thực hiện công tác đầu tư theo từng giai đoạn vừa cải tạo, vừa xây dựng thay thế, vừa xây dựng mới cơ sở vật chất đồng thời phải đảm bảo hoạt động của Bệnh viện:

Việc đầu tư được chia thành các giai đoạn nhằm đảm bảo hoạt động của Bệnh viện (sẽ được thuyết minh cụ thể trong đề án).

Để giải quyết tình trạng thiếu diện tích sàn sử dụng như hiện nay thì bệnh viện cần thực hiện quy hoạch phát triển cơ sở vật chất theo định hướng như sau:

Tháo dỡ hai khu B,C để xây dựng mới một tòa nhà với quy mô 2 hầm, 1 trệt, 9 lầu với diện tích sàn sử dụng là 24.314 m² trên nền công trình cũ. Việc xây dựng khu B-C mới có thể bố trí khoảng 400 – 450 giường bệnh nội trú và Khu phòng mổ hiện đại nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn.

Sau khi hoàn tất việc đầu tư xây dựng Khu BC, bệnh viện tiến hành tháo dỡ các khu phụ trợ để quy hoạch thành các vườn hoa, cây xanh nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn TCVN 4470:1995 về yêu cầu thiết kế như: Mật độ xây dựng: từ 30 - 45% diện tích đất; Diện tích cây xanh trong bệnh viện: từ 40 - 50% diện

tích đất (trong thành phố được phép có mật độ cây xanh là 30%); Diện tích đường giao thông nội bộ: từ 20 - 30% diện tích đất.

Các khu khác: Vẫn giữ nguyên hoạt động như trước đây và sẽ được cải tạo sửa chữa nhỏ trong từng thời điểm theo yêu cầu hoạt động của khoa phòng.

Quy mô xây dựng

Cơ cấu sử dụng đất của dự án sẽ là:

Tổng diện tích đất	:	22.513 m ²
Diện tích đất xây dựng	:	11.353 m ²
Diện tích cây xanh	:	6.812 m ²
Diện tích giao thông sân bãi	:	4.343 m ²

$$\text{Mật độ xây dựng} = \frac{\text{Diện tích xây dựng}}{\text{Diện tích khu đất}} = \frac{11.353}{22.513} = 50\%$$

$$\text{Tỷ lệ diện tích cây xanh} = \frac{\text{Diện tích cây xanh}}{\text{Diện tích khu đất}} = \frac{6.812}{22.513} = 30\%$$

Như vậy, với việc đầu tư xây dựng mới các khu B-C, việc bố trí hợp lý tỷ lệ cây xanh và mật độ xây dựng theo tiêu chuẩn hiện hành, Kế hoạch phát triển của bệnh viện Từ Dũ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 sẽ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của Việt Nam của một bệnh viện chuyên khoa quy mô 1200 giường điều trị.

III.4. Đầu tư trang thiết bị y tế: xem phụ lục 3 đính kèm

III.5. Quản lý kinh tế y tế: xem phụ lục 4 đính kèm

IV. GIẢI PHÁP

IV.1. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiện toàn tổ chức và nhân lực

Nâng cao năng lực quản lý, lập kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trong các lĩnh vực hoạt động trình các cấp thẩm quyền phê duyệt...

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, thực hiện quản lý các hoạt động của bệnh viện bằng quy định và quy chế ngành đi đôi với việc tăng cường thanh kiểm tra, giám sát hoạt động các khoa phòng.

Thực hiện quản lý chất lượng bệnh viện theo tiêu chí của Bộ y tế, phấn đấu đạt và duy trì tiêu chuẩn RTAC trong thụ tinh trong ống nghiệm và xây dựng Khoa Xét nghiệm, Xét nghiệm di truyền y học, Giải phẫu bệnh đạt tiêu chuẩn ISO 15189.

Về đào tạo cán bộ: bệnh viện Từ Dũ luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, 75% các bác sĩ bệnh viện đã và đang tham gia các lớp sau đại học, hàng năm trung bình có từ 10 - 20 cán bộ công nhân viên chức được đào tạo các khóa ngắn hạn cũng như dài hạn tại các nước tiên tiến trên thế giới.

Củng cố hoàn thiện hệ thống tổ chức, thực hiện chính sách cơ chế quản lý chất lượng, an toàn và hiệu quả trên tất cả các mặt hoạt động của bệnh viện.

Tiêu chuẩn hoá cán bộ y tế theo tiêu chuẩn ngành, lập đề án quy hoạch đào tạo cán bộ y tế đảm bảo số lượng cán bộ, đặc biệt là cán bộ sau đại học, đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật của bệnh viện.

IV.2. Giải pháp về ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật

Từ những chuyên khoa và các thành tựu chuyên môn đã có, từ nay đến năm 2020 bệnh viện tiếp tục duy trì và nỗ lực phát triển mạnh, bền vững :

1. Đơn vị huấn luyện và đào tạo chuyên nghiệp về phẫu thuật nội soi trong sản phụ khoa, các nhóm giảng viên phẫu thuật nội soi chuyên sâu, làm nền tảng để phục vụ công tác phát triển nội soi và đào tạo chuyển giao kỹ thuật cho cả nước và các nước trong khu vực. Tăng cường nhân lực, tiếp cận với kỹ thuật mở nâng cao và tiên tiến. Thực hiện trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp phẫu thuật nội soi trên thế giới. Thực hiện các phẫu thuật nội soi nâng cao, phức tạp : trong bệnh lý lạc nội mạc tử cung sâu ung thư phụ khoa...
2. Xây dựng Khoa Hiếm muộn thành một trong những trung tâm lớn trong khu vực về dịch vụ, đào tạo và nghiên cứutrên lĩnh vực nội tiết sinh sản và sinh học người. Duy trì và củng cố chuẩn chất lượng quốc tế trong hỗ trợ sinh sản RTAC đã đạt được . Chương trình hỗ trợ sinh sản: phát triển mở rộng cơ sở vật chất và đào tạo thêm nhân sự để trở thành trung tâm lớn nhất về điều trị và đào tạo của cả nước và trong khu vực, tăng số chu kỳ lên 1500 chu kỳ/ năm (hiện tại 1.000 chu kỳ/ năm, tỷ lệ có thai lâm sàng trên 32%).
3. Phát triển và mở rộng Khoa sơ sinh **từ 120 giường lên 300 giường**, trong đó một đơn vị mũi nhọn chuyên sâu mới cần xây dựng là “*Hội sức sơ sinh cực non*” đi cùng với việc xây dựng khu hội sức sơ sinh hiện đại. Điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ non tháng, điều trị hạ thân nhiệt sơ sinh bị bệnh

não do thiếu oxy, sơ sinh mắc cao áp phổi với thở khí NOngày càng tốt hơn. Tiếp tục chương trình phát hiện sớm điều trị kịp thời bệnh lý võng mạc ở trẻ sơ sinh non tháng, tiến tới phẫu thuật ROP cho sơ sinh tại bệnh viện Từ Dũ.

4. Áp dụng kỹ thuật sinh học phân tử để chẩn đoán các bệnh lý đơn gen và đột biến gen (Thalassemie, Hémophilia, nhược cơ Duchène, đột biến gen gây tăng nguy cơ ung thư ở người như: BRCA1, BRCA2, p53...). Đầu tư phòng thí nghiệm gen và sinh học phân tử hiện đại, triển khai chương trình tầm soát và chẩn đoán tiền sản để phát hiện sớm bất thường bẩm sinh thai nhi ở 3 tháng đầu thai kỳ cho Tp. HCM và 32 tỉnh phía nam (NIPS, combines test, Tripe test), nhằm hạ thấp tỉ lệ thai bất thường bẩm sinh do bất thường nhiễm sắc thể, bất thường gen và tật ống thần kinh. Triển khai kỹ thuật chẩn đoán lai tại chỗ phát huỳnh quang (FISH), PCR, giải trình tự DNA, microarray cho các trường hợp rối loạn nhiễm sắc thể hoặc đột biến gen, đặc biệt áp dụng ở giai đoạn trước sinh. Mở rộng việc tầm soát bệnh sơ sinh: thiếu G6PD, nhược giáp bẩm sinh, tăng sản thượng thận bẩm sinh; mở rộng quy mô và thực hành thường quy các chẩn đoán HPV, Chlamidya, Thalassemia; chẩn đoán trước sinh bằng kỹ thuật sinh học phân tử các trường hợp thai có nguy cơ bị nhiễm trùng bào thai như: Toxoplasmosis, Cytomegalovirus, Rubella, Herpes simplex. Đầu tư hệ thống sàng lọc và phân tích Karyotype tự động nhằm nâng cao chất lượng và năng suất.
5. Chẩn đoán điều trị bệnh lý ung thư phụ khoa (buồng trứng, cổ tử cung, thân tử cung, vú...) , thực hiện phẫu thuật, hóa trị, điều trị nội tiết theo một chu trình khép kín.
6. Tư vấn dinh dưỡng bệnh lý nội trú- ngoại trú tại các khoa lâm sàng
7. Đưa hoạt động Dược lâm sàng vào hoạt động điều trị tại các khoa lâm sàng
8. Vật lý trị liệu: cho sơ sinh , thể dục trị liệu, phục hồi sản chậu trước sinh và sau sinh ...
9. Phát triển củng cố và mạnh chăm sóc điều dưỡng cho các bệnh nhân và sơ sinh nặng nội trú và sau khi xuất viện (vãng gia) chuyên nghiệp
10. Phối hợp Sản Nhi với các bệnh viện chuyên khoa Nhi TP Hồ chí Minh trong hội chẩn, chẩn đoán, điều trị cho thai và sơ sinh bệnh lý
11. Phẫu thuật tạo hình cho các dị tật bẩm sinh, chỉnh hình nữ: ngực, bụng, tăng sinh môn.

IV.3. Giải pháp về đầu tư

Theo chủ trương của ngành y tế thành phố thì giai đoạn đầu tư cần được xác định cho đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

Trên cơ sở hiện trạng của bệnh viện, cần tiến hành phân loại các hạng mục công trình theo các tiêu chí cụ thể (về công năng, chất lượng kiến trúc và kết cấu...), từ đó tiến hành công tác quy hoạch hoàn chỉnh bệnh viện với các mục tiêu sau đây:

- Quy mô 1.600 giường.
- Dây chuyền công năng hiện đại có quy trình hoạt động một chiều theo quy định của Bộ Y tế và phù hợp với điều kiện hiện tại của bệnh viện.
- Có hình thức hài hòa với cảnh quan kiến trúc của bệnh viện và khu vực. Phương châm tiến hành là: tiện dụng, bền vững, kinh tế, mỹ quan.
- Cải tạo hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đặc biệt là các công trình ngầm (hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc....)
- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, tiến hành cải tạo các công trình với điều kiện công tác cải tạo không làm ảnh hưởng nhiều tới các hoạt động của bệnh viện.
- Chuyển dời các bộ phận chức năng về các vị trí hoạch định, đồng thời với việc tháo dỡ các công trình nhỏ không còn phù hợp.
- Cải tạo hệ thống sân, đường giao thông, cây xanh và các kiến trúc nhỏ khác.

Nguồn vốn đầu tư:

Kinh phí dự kiến cho đầu tư từ năm 2018 đến năm 2025 là 885 tỷ đồng (giai đoạn năm 2018 đến 2020 là 720 tỷ đồng, chiếm 81%; giai đoạn năm 2021 đến 2025 là 165 tỷ đồng, chiếm 19%), bao gồm:

- Xây dựng cơ bản: 640 tỷ đồng, trong đó xây dựng mới khu B, C: 394 tỷ đồng, nâng hệ thống điện 60 tỷ đồng, dự án công nghệ thông tin 8 tỷ đồng, sửa chữa: 178 tỷ đồng

- Mua sắm trang thiết bị y tế: 245 tỷ đồng

Sử dụng từ các nguồn kinh phí: ngân sách cấp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vay kích cầu, bao gồm:

- Ngân sách: 103 tỷ đồng, chiếm 12% nguồn

- Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp: 632 tỷ, chiếm 71% nguồn

- Vay kích cầu: 150 tỷ đồng, chiếm 17% nguồn

Bệnh viện là một đơn vị hành chính sự nghiệp phục vụ sức khỏe cho các đối tượng là sản, phụ, nhi khoa nên bệnh viện đề nghị được ưu tiên đầu tư từ các nguồn vốn ngân sách, kích cầu có hỗ trợ lãi vay từ ngân sách.

IV.4. Giải pháp về cơ chế chính sách

1. Thực hiện xã hội hóa và dựa một phần vào nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, phát triển bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Phụ Sản hiện đại vào năm 2020 với quy mô 1.200 giường bệnh.
2. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế chuyên sâu giỏi khoa học kỹ thuật ngang bằng với các nước trong khu vực và có phẩm chất đạo đức tốt để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt hiệu quả cao nhất.
3. Đầu tư trang thiết bị hiện đại để thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng thành công các kỹ thuật, các thành tựu khoa học kỹ thuật mới của thế giới, nhằm giữ vai trò chủ đạo của bệnh viện trong ngành sản phụ khoa, không để tụt hậu so với khu vực và thế giới.
4. Tăng cường công tác thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe căn bản, giúp đỡ các tỉnh phát triển các chuyên khoa sâu, chuyển giao công nghệ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tạo niềm tin cho người dân tại địa phương, góp phần giảm tải lượng bệnh đổ về tuyến thành phố, đồng thời cũng giảm chi phí điều trị, tiết kiệm thời gian, mang lại lợi ích sức khỏe cho người dân và thúc đẩy xã hội phát triển.
5. Xây dựng và thực hiện giá thu viện phí phù hợp trên cơ sở tính đúng, tính đủ, nhưng có chính sách cho các đối tượng chính sách và người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, thực hiện hạch toán tự thu chi theo Nghị định 43 của Chính phủ; thực hiện tốt Luật Bảo hiểm y tế.

Trên cơ sở đó, góp phần thực hiện thành công chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế đã được chính phủ phê duyệt.

Về sự phù hợp của quy hoạch phát triển bệnh viện Phụ Sản với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành y tế đến năm 2020 đã được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố phê duyệt tại quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02/7/2004 về quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC CHỈ TIÊU VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỪ DŨ ĐẾN NĂM 2020
TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025

NGUỒN NHÂN LỰC

I	Nội dung	Năm		
		2018	2019	2020
1	Tổng số chung	2190	2200	2280
1.1	Cán bộ có biên chế	1600	1700	2100
1.2	Cán bộ hợp đồng trên 12 tháng	590	500	180
2	Tổng số cán bộ hệ khám chữa bệnh			
	Trong đó:			
2.1	Cán bộ chuyên ngành sản phụ khoa	1220	1230	1350
2.2	Cán bộ chuyên ngành nhi	190	190	220
2.3	Cán bộ cận lâm sàng	270	270	280
3	TS cán bộ làm công tác cung ứng thuốc	50	50	60
4	TS cán bộ làm công tác quản lý y tế	155	155	165
5	Tỷ lệ cán bộ làm việc đúng chuyên ngành đào tạo	100%	100%	100%
6	Số cán bộ y tế được tham gia các khoa đào tạo lại theo đúng chuyên ngành đang làm việc	60	60	100
7	Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyên giao công nghệ trong nước	150	150	150
8	Số cán bộ chuyên môn được tham gia các lớp chuyên giao công nghệ ở nước ngoài	08	08	20

Quy mô chung về nhân lực y tế

TT	Loại hình cán bộ	Năm		
		2018	2019	2020
1	Bác sĩ	345	350	360
2	Dược sĩ đại học	20	20	20
3	Cử nhân điều dưỡng	240	250	250
4	Cử nhân kỹ thuật y học	65	70	90
5	Điều dưỡng trung học	70	70	60
6	Hộ sinh trung học	860	850	930
7	Kỹ thuật viên trung học	90	90	110
8	Dược sĩ trung học	30	30	36
9	Y sĩ các chuyên ngành	28	26	25
10	Đại học khác	130	130	125
11	Trung học khác	50	50	53
12	Cán bộ khác	262	264	221
	Tổng số :	2190	2200	2280

Đào tạo nguồn nhân lực :

Đào tạo trong nước	
- Sau đại học	20VC/năm
- Cử nhân điều dưỡng, hộ sinh	70VC/năm
- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	150 - 200 lượt/năm
- Lý luận chính trị, Quản lý bệnh viện.	10 – 20 VC/năm
Đào tạo ở nước ngoài	
- Dài hạn (từ 6 tháng trở lên)	01VC/năm
- Ngắn hạn, tham dự hội nghị hội thảo	90 VC/năm
Các chỉ tiêu khác	
- Ban giám đốc có chứng chỉ quản lý bệnh viện hoặc	100%

quản lý nhà nước	
- Ban giám đốc có trình độ ngoại ngữ bằng C trở lên	100%
- Trình độ sau đại học của trưởng, phó phòng chức năng	50%
- Trình độ sau đại học của trưởng phó các khoa	70%
- Trưởng phó các khoa, phòng có trình độ ngoại ngữ bằng C trở lên	50%
- Bác sĩ có trình độ sau đại học đến năm 2020	70%

PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN – KỸ THUẬT

Nội dung	2018 - 2020	Đến 2025
Chỉ tiêu giường bệnh	1.200	1.600
Điều trị hiêm muện vô sinh		
- Chu kỳ thụ tinh trong ống nghiệm/năm	2.500	2.500
- Tỷ lệ có thai lâm sàng	40%	42%
- Bác sĩ Hiêm muện có kiến thức về sản phụ khoa và siêu âm	100%	100%
- Đào tạo, huấn luyện	Trang bị phòng Lab giảng dạy hiện đại	Xây dựng khu TTTON hiện đại
- Quản lý chất lượng	Duy trì chuẩn chất lượng quốc tế trong hỗ trợ sinh sản RTAC đã đạt được	Duy trì chuẩn chất lượng quốc tế trong hỗ trợ sinh sản RTAC đã đạt được
Nội soi		
- Xây dựng trung đào tạo về nội soi cho BS trong và ngoài nước	Trang bị Khu giảng dạy hiện đại (máy thực tập nội soi trên động vật, hệ thống tích hợp vi tính) Trang bị phòng Khu giảng dạy hiện đại: hệ thống tích hợp vi tính, trang bị máy nội soi thực hành 3D	Trang bị máy thực tập nội soi trên động vật

<p>Chăm sóc sơ sinh cực non</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh: <ul style="list-style-type: none"> + Máy khám đáy mắt + Máy đo thính lực trẻ sơ sinh. + Hệ thống monitor trung tâm. + Máy siêu âm màu có đầu dò nhi sơ sinh. - Triển khai kỹ thuật hạ thân nhiệt chủ động điều trị bệnh não thiếu oxy thiếu máu cục bộ - Xây dựng ngân hàng sữa mẹ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh: máy Laser quang đông. - Triển khai kỹ thuật điều trị cao áp phổi tồn tại bằng khí Nitric oxide.
<p>Di truyền y học</p>	<p>Triển khai và mở rộng sàng lọc, chẩn đoán trước sinh bệnh di truyền lưu hành phổ biến trong quần thể người Việt Nam như: thalassemia, QF-PCR chẩn đoán bất thường nhiễm sắc thể cho TPHCM và các tỉnh thành phía nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu thử nghiệm sàng lọc không xâm lấn (NIPT) an toàn, chính xác và thuận lợi ở quý 1 thai kỳ - Triển khai xét nghiệm NIPT - Hoàn thiện và triển khai kỹ thuật xét nghiệm di truyền phôi trước làm tổ. - Phát triển kỹ thuật Single cell nghiên cứu - chẩn đoán gen trên một vài tế bào. - Nâng cao năng lực nghiên cứu và chẩn đoán phòng ngừa về nghiên cứu ung thư, các rối loạn phát triển tâm thần và các bệnh về gen.

		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật NGS vào xét nghiệm gen.
Tạo hình thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các kỹ thuật cao về thẩm mỹ bụng, ngực, sinh dục. - Triển khai các kỹ thuật nội khoa thẩm mỹ : Tiêm Botox, laser thẩm mỹ, Filler, chăm sóc da, điều trị da thẩm mỹ. - Massage cho phụ nữ có thai, sản phụ. - Massage cho bé. - Massage thuyên tắc tuyến sữa. - Tiếp tục hoàn thiện phát đồ và chỉ định nội ngoại khoa thẩm mỹ . 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục phát triển các kỹ thuật nội khoa thẩm mỹ : Filler , PRP, Laser, tế bào gốc trong trong thẩm mỹ . - Trẻ hóa sinh dục không phẫu thuật. - Phát triển thẩm mỹ vùng mặt. - Tiếp tục hoàn thiện và chỉ định phát đồ nội, ngoại khoa thẩm mỹ. - Đào tạo và nâng cao kỹ năng tư vấn kỹ năng chuyên môn cho nhân viên.
Ung thư phụ khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phác đồ giảm đau trong chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư giai đoạn cuối. - Xây dựng đơn chăm sóc tiền phẫu ung thư. - Người bệnh ung thư sau mổ chuyên về các khoa hậu phẫu chăm sóc. - Sinh thiết lõi vú (Core Biopsie) đã thực hiện, nhưng chưa chuẩn bị đủ dụng cụ, trang thiết bị cho phòng thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình điều trị giảm nhẹ. - Xây dựng quy trình làm Core Biopsie (xây dựng bộ dụng cụ, phòng thực hiện). - Xây dựng Đơn vị điều trị ung thư vú. - Xây dựng nguồn nhân sự: Bs chuyên khoa ung bướu phụ khoa, NHS phòng khám, Bs siêu âm).

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Kế hoạch
1.	Xây dựng khu B-C	284 đường Cống Quỳnh Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 TP. HCM	- Thời gian : 2018 - 2020 - Diện tích sử dụng : 24.053 m ² - Tổng mức đầu tư : 382.000 (Thiết kế hệ thống phòng mổ + khu TTTON hiện đại)
2.	Sơn nước toàn bộ mặt ngoài khu M	227 Cống Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM	- Thời gian: 2018-2019 - Tổng mức đầu tư: 2.800
3.	Chỉnh trang mặt tiền khu A	284 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP.HCM	- Thời gian: 2018-2019 - Tổng mức đầu tư: 2.900
4.	Cải tạo, sửa chữa và chỉnh trang mặt tiền khu D	284 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP.HCM	- Thời gian: 2018-2019 - Tổng mức đầu tư: 2.300
5.	Cải tạo, sửa chữa Cầu vượt bộ hành nối khu H - M	284 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP.HCM	- Thời gian: 2018-2019 - Tổng mức đầu tư: 1.500
6.	Dự án lắp đặt thang máy khu M	227 Cống Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM	- Thời gian: 2018-2019 - Tổng mức đầu tư: 10.500
7.	Dự án nâng cấp hệ thống điện	284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	- Thời gian: 2018-2019 - Tổng mức đầu tư: 60.000
8.	Chỉnh trang, chống thấm khu N giai	191 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ	- Thời gian: 2019 - Tổng mức đầu tư:

	đoạn 1	Lão, Quận 1, TP.HCM	4.700
--	--------	---------------------	-------

KẾT LUẬN

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện đầu ngành về sản phụ khoa, hàng năm tiếp nhận trên 1.000.000 lượt khám, trên 50.000 trường hợp sanh, bệnh viện đã không ngừng cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, đặc biệt đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

Phân đầu xây dựng bệnh viện theo tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi mà tập thể bệnh viện đã đề ra :

- Tầm nhìn: “Phân đầu trở thành bệnh viện sản phụ khoa hàng đầu Việt Nam có vị thế trong khu vực Châu Á”
- Sứ mệnh:
 - Dẫn đầu về chất lượng chuyên môn - nghiệp vụ và ứng dụng y học hiện đại.
 - Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển vì cộng đồng.
- Giá trị cốt lõi: “Đoàn kết - chuyên nghiệp - nghĩa tình”.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
Ngày tháng năm

Tp. HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

BS. LÊ QUANG THANH